

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 22-8-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hữu Lý

2. Bà Võ Thị Diệu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 133/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Thông báo mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số: 1112/2019/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Mỹ H, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: 31 TR, tổ dân phố HT, phường CN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: 213 D2, khu dân cư AB, phường AH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Nơi công tác: Công ty Cổ phần Thương mại AV

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, tổ dân phố TL, phường CT, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT (Công ty AT)

Địa chỉ: 86/4 P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Châu H - Chức vụ: Giám đốc.

(Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2017, biên bản hòa giải ngày 01/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ H trình bày:*

Từ đầu năm 2015 đến tháng 01/2016, bà Châu Thị Mỹ H (Hộ kinh doanh đại lý bán vé máy bay Sơn Hà), địa chỉ: 31 TR, tổ dân phố HT, phường CN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa có bán vé máy bay cho ông Nguyễn Văn K, thời điểm đó làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT, qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Văn A, Phó Giám đốc Công ty AT, thời gian này ông K có thanh toán tiền vé đầy đủ. Nhưng kể từ tháng 02/2016, ông K gọi mua vé của bà H cho ông K và gia đình ông đi lại và vẫn chưa thanh toán cho Đại lý của bà H. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông K thanh toán tiền, ông K hẹn nhiều lần nhưng vẫn chưa thực hiện. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền vé máy bay là 10.249.000 đồng, còn số tiền 63.984.000 đồng bà không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 23/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:* Ông K có thừa nhận việc có mua vé máy bay tại Đại lý bán vé máy bay Sơn Hà vào các ngày như Bảng Quyết toán công nợ. Tuy nhiên, ông cho rằng ông không phải là chủ thể trực tiếp thực hiện các giao dịch mua vé mà hầu hết mua qua danh nghĩa nhân viên làm việc cho Công ty AT và đi lại với mục đích của Công ty. Ông đồng ý thanh toán cho bà H số tiền là 10.249.000 đồng các vé máy bay mà người thân là Bùi Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Khánh N, đã đi lại vì mục đích cá nhân, bao gồm: Ngày 19/02/2016 SGN-DLI 768.000 đồng; ngày 20/02/2016 DLI-SGN 1.835.000 đồng; ngày 12/3/2016 SGN-NHA 669.000 đồng; ngày 12/3/2016 NHA-SGN 349.000 đồng; ngày 14/3/2016 SGN-NHA 669.000 đồng; ngày 14/3/2016 NHA-SGN 878.000 đồng; ngày 22/3/2016 NHA-SGN 163.000 đồng; ngày 08/4/2016 SGN-NHA 669.000 đồng; ngày 08/4/2016 NHA-SGN 459.000 đồng; ngày 18/5/2016 NHA-SGN 569.000 đồng; ngày 18/5/2016 SGN-NHA 569.000 đồng; ngày 29/5/2016 SGN-NHA 470.000 đồng; ngày 22/6/2016 SGN-BMT 900.000 đồng; ngày 22/6/2016 NHA-SGN 729.000 đồng; ngày 22/6/2016 NHA-SGN 553.000 đồng.

Ngoài ra, ông K không đồng ý thanh toán số tiền còn lại 63.984.000 đồng mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật và sẽ tuân thủ theo các quyết định phán quyết của Tòa án.

** Tại Công văn số 81/ACCNT-CTHC ngày 04/4/2018 và số 116/CV-ACCNT ngày 15/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Châu H trình bày:* Việc mua, bán, giao dịch giữa ông Nguyễn Văn K và bà Châu Thị Mỹ H- chủ hộ kinh doanh đại lý vé máy bay Sơn Hà là giao dịch cá nhân không liên quan đến Công ty AT.

Ngày 12/5/2017, Giám đốc Công ty AT đã ký Quyết định số 126b/QĐ-ACCNT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông K với lý do: Hiệu quả lao

động thấp gây ảnh hưởng đến năng suất lao động và uy tín của đơn vị. Không hoàn thành nhiệm.

Ông Huỳnh Hải Ân là nhân viên Kỹ thuật của Công ty ACC TNHH MTV Nha Trang từ tháng 3/2014 đến tháng 8/2016. Ngày 31/8/2016, Giám đốc Công ty AT đã ký Quyết định số 278/QĐ-ACCNT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Huỳnh Hải Ân với lý do tự nguyện xin thôi việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty AT, ông Ân được điều động công tác tại cụm các công trình khu vực R, Khánh Hòa do ông Nguyễn Văn K - Chỉ huy trưởng công trình trực tiếp quản lý, điều hành. Việc cử các nhân viên tại công trình đi công tác do Chỉ huy trưởng công trình quyết định và chịu trách nhiệm.

Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 27/8/2016, Công ty AT đã trả cho bà H (bằng hình thức chuyển khoản) theo đề nghị của ông K - Chỉ huy trưởng cụm các công trình khu vực R với số tiền 120.627.000 đồng, trong đó: ngày 01/10/2015: 30.000.000 đồng, ngày 04/02/2016: 90.627.000 đồng.

* *Nguyên đơn đã giao nộp*: Bảng quyết toán công nợ tháng 8/2015, 5/2015, 4/2015, 02/2015, từ ngày 05/02/2016 đến ngày 27/8/2016; giấy đề nghị thanh toán ngày 20/8/2016; giấy chứng minh nhân dân mang tên Châu Thị Mỹ H, sổ hộ khẩu đứng tên Châu Thị Mỹ H; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37B8002879.

* *Bị đơn đã giao nộp*: Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn K; các vé máy bay điện tử, hóa đơn kèm theo.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã giao nộp*: 01 bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ đầu vào, công trình: Hàng rào an ninh Cảng hàng không quốc tế R (có chữ ký của ông Nguyễn Văn A); 01 bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, công trình: Nhà hàng, nhà văn phòng, khu vệ sinh Cảng hàng không quốc tế R (có chữ ký của ông Nguyễn Văn A); 01 bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, công trình: Xây dựng doanh trại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo hoạt động huấn luyện EKQ 920 (có chữ ký của ông Nguyễn Văn Hà); 01 bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, công trình: Sửa chữa bờ kè Cảng hàng không quốc tế R (có chữ ký của ông Nguyễn Văn A); Ủy nhiệm chi ngày 04/02/2016; giấy đề nghị chuyển tiền ngày 04/02/2016; Ủy nhiệm chi ngày 01/10/2015; giấy đề nghị chuyển tiền tháng 10/2015; Quyết định số 126b/QĐ-ACCNT ngày 12/5/2017, về việc: Chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH MTV AT; Thông báo số 66/TB-ACCNT ngày 22/3/2017, về việc: Chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH MTV AT

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến*:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông K phải trả cho bà H số tiền 10.249.000 đồng; Đình

chỉ giải quyết yêu cầu của bà H về số tiền 63.984.000 đồng. Về án phí: Ông K nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự mà bị đơn có trụ sở tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Châu Thị Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố R giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K phải trả một lần số tiền nợ mua vé máy bay. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ Điều 518 và 523 của Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 22/8/2019, nguyên đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo pháp luật của bà H.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông K nhưng ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

Ngày 20/8/2019, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của đại diện theo pháp luật của Công ty AT là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo pháp luật của Công ty AT.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Bảng quyết toán công nợ từ ngày 05/02/2016 đến ngày 27/8/2016 do nguyên đơn cung cấp và lời khai bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có cơ sở xác định Đại lý bán vé máy bay Sơn Hà có bán vé máy bay cho vào Công ty AT và ông K vào các ngày như Bảng Quyết toán công nợ trên và còn nợ lại số tiền 74.233.000 đồng là sự thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2017, nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn ông K phải trả cho bà số tiền mua, bán vé máy bay là 74.233.000 đồng nhưng đến ngày 12/6/2019, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông K phải trả cho bà 10.249.000 đồng, Công ty AT phải trả cho bà 63.984.000 đồng; đến ngày 01/8/2019, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện bà yêu cầu ông K phải trả cho bà 10.249.000 đồng, không yêu cầu Công ty AT phải trả cho bà 63.984.000 đồng.

[2.1] *Đối với yêu cầu của bà H về số tiền 10.249.000 đồng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H yêu cầu ông K phải trả số tiền mua vé máy bay là 10.249.000 đồng. Bản thân ông K đồng ý thanh toán cho bà H số tiền bán vé máy bay cho người thân của ông là Bùi Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Khánh N, đã đi lại vì mục đích cá nhân, bao gồm: Ngày 19/02/2016 SGN-DLI 768.000 đồng; ngày 20/02/2016 DLI-SGN 1.835.000 đồng; ngày 12/3/2016 SGN-NHA 669.000 đồng; ngày 12/3/2016 NHA-SGN 349.000 đồng; ngày 14/3/2016 SGN-NHA 669.000 đồng; ngày 14/3/2016 NHA-SGN 878.000 đồng; ngày 22/3/2016 NHA-SGN 163.000 đồng; ngày 08/4/2016 SGN-NHA 669.000 đồng; ngày 08/4/2016 NHA-SGN 459.000 đồng; ngày 18/5/2016 NHA-SGN 569.000 đồng; ngày 18/5/2016 SGN-NHA 569.000 đồng; ngày 29/5/2016 SGN-NHA 470.000 đồng; ngày 22/6/2016 SGN-BMT 900.000 đồng; ngày 22/6/2016 NHA-SGN 729.000 đồng; ngày 22/6/2016 NHA-SGN 553.000 đồng; tổng cộng là 10.249.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 518, 520, 523, 524 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn ông K phải trả cho bà 10.249.000 đồng.

[2.2] *Đối với yêu cầu của bà H về số tiền 63.984.000 đồng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền trên nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về số tiền 63.984.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 10.249.000 đồng x 5% = 512.450 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 518, 520, 523, 524 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Mỹ H.

1. Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho bà Châu Thị Mỹ H số tiền 10.249.000đ (Mười triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ H về số tiền 63.984.000đ (Sáu mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

3. Về án phí:

Hoàn lại cho bà Châu Thị Mỹ H số tiền 1.855.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2016/0012076 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

Ông Nguyễn Văn K phải nộp 512.450 (Năm trăm mười hai nghìn bốn trăm năm mươi) đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm

4. Bà Châu Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn K, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AT có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Quy định: Kể từ ngày bà Châu Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn K không thi hành khoản tiền phải trả thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công